

MẤY VẤN ĐỀ VỀ GIỚI TRONG XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

NGUYỄN THU NGUYỆT

Giải quyết vấn đề đói nghèo được nhìn nhận như là một vấn đề về quyền con người, nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển và giảm tình trạng bất bình đẳng, đặc biệt là bất bình đẳng giới.

Thoát khỏi cảnh nghèo không chỉ đơn thuần là một hành động cá nhân, mà còn phụ thuộc vào sự hỗ trợ của các thể chế như gia đình, nhà nước, khu vực tư nhân, cộng đồng địa phương và các tổ chức văn hóa, phụ thuộc vào môi trường chính trị, kinh tế - xã hội mà các thiết chế này tạo ra, cũng như sự hỗ trợ và cơ hội mà chúng mang lại.

Với những nỗ lực lớn của Đảng và chính phủ từ 1992 -2001 "*tỷ lệ hộ nghèo đói giảm nhanh từ 30% xuống 10%, bình quân mỗi năm 2%*"¹. Để đạt được thành tựu này, chúng ta không chỉ giải quyết tốt nguyên nhân kinh tế mà còn quan tâm tới các vấn đề xã hội của nghèo đói trong đó có khác biệt về giới.

Trong xóa đói giảm nghèo phụ nữ phải là đối tượng cần được quan tâm tới do những khoảng cách về giới, và phụ nữ cũng là những người tích cực nhất trong việc thực hiện chiến lược này. Bên cạnh đó, những trở ngại về tăng quyền năng cho phụ nữ cũng phải được ghi nhận như là những thách thức trong công cuộc xóa đói giảm nghèo ở nước ta. Đây cũng là những suy nghĩ mà chúng tôi muốn cùng được chia sẻ với những người quan tâm tới vấn đề này.

1. Do khoảng cách về giới, phụ nữ cần phải được ưu tiên trong xóa đói giảm nghèo

Hội nghị thế giới lần thứ tư về phụ nữ 1995 đã đưa ra lời cảnh báo về quá trình "nữ hóa đói nghèo". Hội nghị cho thấy: số phụ nữ sống trong cảnh nghèo khổ nhiều hơn nam giới, và tình trạng chênh lệch này đã tăng lên trong thập kỷ qua. Chênh lệch giới về sức khỏe và học vấn ngày càng lớn hơn trong bộ phận dân cư nghèo.

Trong bộ phận dân cư nghèo, phụ nữ chiếm một tỷ lệ bất cân xứng. Phần lớn phụ nữ nghèo thuộc các gia đình do nam giới làm chủ hộ, nhưng một số phụ nữ nghèo nhất lại thuộc các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ.

¹ Nguyễn Hải Hữu: *Năm bước đột phá xóa đói giảm nghèo trong năm 2002*. Báo Lao động xã hội số 191, 5-2002.

"Tỷ lệ người cao tuổi ở Việt Nam tăng nhanh chóng, theo dự đoán từ 5,86 triệu người năm 1999 lên gần 30 triệu vào năm 2050 tức là từ 7% lên 23% tổng số dân"². Điều này làm số phụ nữ có khả năng trở thành góa phụ tăng theo vì nam giới thường có tuổi thọ trung bình thấp hơn và có sự chênh lệch về tuổi tác giữa vợ và chồng. Theo tính toán của tổ chức Dân số thế giới: "Vào giữa thập niên 1990, hơn một nửa số phụ nữ trên 65 tuổi ở châu Á và châu Phi góa chồng, trong khi đó chỉ có 10% đến 20% nam giới góa vợ"³.

Phụ nữ góa chồng sống độc thân hoặc phải nuôi con nhỏ chưa lập gia đình và phụ nữ làm chủ gia đình thường có nhiều khả năng là người nghèo. Gia đình nhà chồng và cộng đồng nói chung có thể đổ lỗi cho người vợ góa bụa về cái chết của ông chồng, và họ có thể từ chối việc trợ giúp thông thường cho người phụ nữ đó cùng con cái của họ. Luật pháp cho phép người phụ nữ có thể thừa kế đất đai và tài sản của chồng, nhưng thực tế, các luật lệ địa phương và luật tục thường không đếm xỉa gì đến quyền lợi đó, đặc biệt trong trường hợp người phụ nữ đó không có con trai.

Một số nghiên cứu cho rằng hậu quả lâu dài của chiến tranh và các tệ nạn như ma túy, rượu chè, cờ bạc... cũng làm tăng số phụ nữ đơn thân nuôi con phải sống trong nghèo đói.

Ly hôn cũng là nguyên nhân làm cho số phụ nữ nghèo tăng lên. Họ thường không được chia tài sản một cách công bằng, đặc biệt là ruộng đất, và thường phải nhận nuôi nhiều con còn nhỏ vì sẽ thuận lợi hơn cho chúng khi sống với mẹ. Theo truyền thống của người Việt Nam, người phụ nữ thường không đứng tên sở hữu các tài sản có giá trị trong gia đình, do vậy trong việc phân chia tài sản sau ly hôn họ thường chịu nhiều thiệt thòi, đôi khi phải ra đi với hai bàn tay trắng.

Theo ông Stephen Lewis đặc phái viên của tổng thư ký Liên hiệp quốc "Với bất kỳ kiến trúc thượng tầng nào, thì cơ sở hạ tầng cũng sẽ luôn luôn bao gồm một cán cân quyền lực không cân bằng trong quan hệ vốn thiên vị phái nam"⁴. Đó cũng là lý do để xóa đói giảm nghèo nên hướng tới phụ nữ không chỉ vì họ chiếm số đông trong bộ phận dân cư đói nghèo, mà còn vì có khoảng cách lớn về giới trong việc tiếp cận và sử dụng các nguồn lực như y tế, giáo dục...

** Sức khỏe của phụ nữ và bất bình đẳng giới về y tế đối với phụ nữ nghèo*

Có một khác biệt căn bản về giới đối với sức khỏe sinh sản. Chỉ có phụ nữ mới sinh đẻ và họ phải tiếp xúc với những nguy cơ rủi ro mà nam giới không thể thông cảm đầy đủ được. Chức năng sinh lý của phụ nữ dễ bị tác động bởi HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm qua đường tình dục.

² Bích Thủy: *Phụ nữ cao tuổi nghèo ở Việt Nam-những điều rút ra từ cuộc nghiên cứu*. Tạp chí Phụ nữ và tiến bộ, số 2-2002, tr.22.

³ UNFPA: *Tình trạng dân số thế giới 2002: con người, nghèo đói và các khả năng*, tr. 8.

⁴ UNFPA: *Tình trạng dân số thế giới 2002: con người, nghèo đói và các khả năng*, tr.29.

Phụ nữ là người chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực nhất của tình trạng đói nghèo. Thiếu đói suy dinh dưỡng khiến phụ nữ dễ bị ốm yếu và tỷ lệ tử vong bà mẹ tăng cao trong nhóm người nghèo nhất. Mang thai ngoài ý muốn gây thêm sức ép đối với sức khỏe phụ nữ. Lây nhiễm và thương tật đi kèm với mang thai và sinh con làm giảm năng lực sản xuất và chất lượng sống của phụ nữ.

Ở người nghèo, xu hướng tảo hôn và có con sớm là lớn. Đối với họ, con cái và gia đình được coi là yếu tố của hạnh phúc. Thất học và bỏ học sớm làm cho họ không có khả năng lựa chọn nào khác là lập gia đình. Học vấn thấp cộng với sức ép về lao động cũng làm cho phụ nữ nghèo hiểu biết rất ít về kế hoạch hóa gia đình, làm cho họ có nhiều con hơn so với người giàu.

"Kết quả nghiên cứu tại 44 nước đang phát triển cho thấy mức sinh cao nhất là ở các nước nghèo nhất và ở các nhóm dân cư càng giàu thì tỷ lệ này càng giảm" và "mang thai ngoài ý muốn có thể khiến họ phải trả giá bằng cả cuộc đời: phụ nữ ở những nước nghèo nhất cũng như bộ phận phụ nữ nghèo nhất của các nước này phải đối diện với nguy cơ tử vong do mang thai nhiều gấp 600 lần so với phụ nữ giàu cùng trang lứa" ⁵

Do vậy, chiến lược xóa đói giảm nghèo là phải cung cấp được các dịch vụ y tế đến với người nghèo đặc biệt là phụ nữ nghèo. Họ cần nhận được các dịch vụ chăm sóc tiền sản và sinh con an toàn, bao gồm cả chăm sóc cấp cứu sản khoa. Họ cũng cần được thông tin về dịch vụ kế hoạch hóa gia đình để giảm số lần mang thai ngoài ý muốn và tránh nạo phá thai.

Phụ nữ nghèo ở đô thị thường phải sống trong không gian chật hẹp, phải chấp nhận làm bất kỳ công việc gì nên họ rất dễ bị tổn thương, ngược đãi và lạm dụng. Điều kiện sống thấp kém, không được hưởng các dịch vụ như điện, nước... ảnh hưởng rất tiêu cực đến sức khỏe của họ. Đặc biệt là phụ nữ nghèo từ nông thôn ra thành phố kiếm sống là nhóm có nguy cơ cao, mà chính quyền và cộng đồng cần lưu tâm đặc biệt.

** Khoảng cách về giới trong giáo dục của người nghèo*

Khó khăn về kinh tế buộc các gia đình nghèo phải lựa chọn cho con nào đi học. Những sự lựa chọn thường có lợi cho con trai, còn con gái cho học ít hoặc không đi học. Bố mẹ cũng có thể lo lắng cho con gái mình khi ở trường, hoặc trên đường đến trường hay về nhà. Thậm chí ngay cả khi không có những áp lực này, người mẹ cũng cần có con gái giúp đỡ trong rất nhiều công việc và chính nhu cầu này thường được ưu tiên hơn so với học hành của con gái trong các gia đình nghèo.

Gia đình nghèo đông con cho con gái thôi học để ở nhà giúp họ chăm sóc các em nhỏ. Trong cộng đồng nghèo - nơi phụ nữ thường có vai trò hạn chế - người ta cho rằng để làm vợ và làm mẹ thì một cô gái không cần phải học hành chính quy. Và *"Mặc dù cho con gái đi học được xem như là cách thức để lấy được chồng có học và kiếm ra tiền,*

⁵UNFPA: *Tình trạng dân số thế giới 2002: con người, nghèo đói và các khả năng*, tr. 9.

nhưng bố mẹ các cô gái cũng nhìn ra, chính gia đình nhà chồng mới được hưởng những lợi ích từ việc học hành của con gái chứ không phải gia đình nhà mình"⁶.

Khi tham vấn tại cộng đồng, có những lý do tưởng chừng như không lớn, lại tạo nên trở ngại cho các em gái đến trường "*Một số khác biệt được người dân nêu ra là các em gái phải mặc áo dài nên tốn kém hơn, các em gái phải lập gia đình sớm (thậm chí trước tuổi pháp luật cho phép), khó khăn về tâm lý ở tuổi dậy thì (bị trêu chọc), bỏ học khi đến kỳ kinh, không có xe đạp để đi học nên phải đi bộ mặc áo dài vào trời mưa rất bẩn khiến các em rất ngại, không thể nhờ xe đến trường, chi phí cao cho quần áo"*⁷.

Các em gái dậy thì sớm hơn các em trai cùng lứa tuổi. Khả năng bị quấy rối tình dục làm các em gái có thể học kém đi, ngại đi học thậm chí bỏ học.

Khác biệt giới về giáo dục của người nghèo đòi hỏi chiến lược xóa đói giảm nghèo phải nâng cao trình độ học vấn của phụ nữ đặc biệt là nhóm phụ nữ nghèo nhất. Đó chính là các mục tiêu phát triển nhưng cũng chính là các điều kiện để chấm dứt đói nghèo tạo ra một xã hội vừa ổn định vừa công bằng.

** Khác biệt giới trong sử dụng nguồn lực*

Đo lường mức độ bất bình đẳng giới không phải là dễ. Nhưng dù đo bằng cách nào đi chăng nữa, thì phụ nữ sống trong đói nghèo thiệt thòi hơn nam giới cùng hoàn cảnh rất nhiều về phương diện nguồn lực sẵn có cho họ và trong việc kiểm soát các nguồn lực chung. Phụ nữ còn thiệt thòi trong cả việc đưa ra các quyết định hiểu biết về tình dục và sinh sản, trách nhiệm với gia đình và nuôi dạy con cái, đặc biệt là con gái.

Thói trọng nam khinh nữ đã ăn sâu và cộng đồng dân cư. Tiếng nói của phụ nữ ít có trọng lượng trong việc ra quyết định không chỉ trong cộng đồng, dòng họ mà còn ngay cả ở trong gia đình. Phụ nữ là đối tượng chủ yếu áp dụng các biện pháp tránh thai. Có nhiều bằng chứng cho thấy có sử dụng bao cao su hay không, phụ thuộc vào chồng là chính. Khi mang thai ngoài ý muốn, việc đẻ hay bỏ luôn được chồng, thậm chí họ hàng nhà chồng quyết định gắn liền với việc họ có con trai hay chưa.

Thiên kiến giới tạo cho người phụ nữ có thói quen ít đứng tên sở hữu các tài sản giá trị trong gia đình. Cộng đồng cũng chưa có thói quen chấp nhận quyền phụ nữ kinh doanh sản xuất ở xa gia đình. Họ chỉ mong muốn phụ nữ làm các công việc không được trả lương, mang tính phi thị trường như nội trợ, chăm sóc con cái, người già đau ốm, cho đến sản xuất để sinh nhai tại địa phương. "*Hiện nay đa số phụ nữ có con nhỏ dưới 5 tuổi đều ở nhà để trông con và nội trợ gia đình. Đây là một thiệt thòi cho phụ nữ địa phương"*⁸.

⁶ UNFPA: *Tình trạng dân số thế giới 2002: con người, nghèo đói và các khả năng*, tr. 48-49.

⁷ *Ý kiến của cộng đồng về chiến lược giảm nghèo*. Báo cáo từ sáu địa bàn tham vấn, 2002. Tập III, tr. 34.

⁸ *Ý kiến của cộng đồng về chiến lược giảm nghèo*. Báo cáo từ sáu địa bàn tham vấn, 2002. Tập III, tr. 13.

⁸ UNDP-1999: *Báo cáo phát triển con người 1995*. Bảng 27.

"Sự vô hình" của công việc phi thị trường, không thể tính thành tiền mặt của phụ nữ và không thể tính được vào thu nhập quốc dân, dẫn đến quyền của phụ nữ thấp hơn quyền của nam giới. Mà các hoạt động không được tính vào số đo GDP thì khó có được chiến lược trợ giúp hoặc trợ giúp hợp lý từ phía chính phủ và cộng đồng.

Phụ nữ nghèo cũng ít được hưởng lợi từ sự phát triển của cơ sở hạ tầng như điện, đường, trường, trạm... Họ không đủ nguồn lực để ra khỏi cộng đồng nếu không ở vào tình thế bất buộc, và các phương tiện hiện đại cũng chỉ xuất hiện trong giấc mơ của họ. Thời gian vật chất, sức khỏe cũng không cho phép phụ nữ nghèo tham gia nhiều vào các hoạt động vui chơi giải trí ngoài việc chăm sóc cho gia đình.

Trong tương quan về giới với các nguồn lực, thu nhập không nói lên tất cả, tuy nhiên nó có thể tác động lên khả năng thương lượng và ra quyết định của các thành viên trong gia đình. Chính vì vậy chính sách xóa đói giảm nghèo phải hướng đến các biện pháp làm tăng thu nhập cho phụ nữ nghèo để tăng quyền năng cho họ. Chiến lược chăm sóc sức khỏe phổ cập, trong đó có sức khỏe sinh sản cũng như và giáo dục có tính đến các khác biệt giới, phải được xúc tiến làm giảm tình trạng bất bình đẳng giới và xóa bỏ các rào cản để phụ nữ nghèo tham gia vào các hoạt động xã hội rộng rãi hơn. Về phía mình, phụ nữ nghèo nếu được hỗ trợ tốt sẽ có vai trò rất quan trọng trong công cuộc xóa đói giảm nghèo.

2. Phụ nữ là tác nhân tích cực để xóa đói giảm nghèo

Phụ nữ nghèo sống chung với cái nghèo nhưng họ không ở thế bị động. Họ phải làm việc chăm chỉ cốt là để tồn tại. Năng lực của họ bị giảm sút do học vấn thấp, sức khỏe yếu và suy dinh dưỡng. Song với bất kỳ chút sức lực nào còn lại, họ tranh thủ mọi cơ hội để thoát nghèo. Bản tính chịu đựng, chịu thương, chịu khó của phụ nữ Việt Nam luôn được phát huy trong những hoàn cảnh khó khăn nhất, kể cả đói nghèo (mà nam giới không phải ai cũng có và rất dễ nản lòng dẫn đến sa đà vào các tệ nạn rượu chè, chây lười lao động)

"Đối với nhóm phụ nữ nghèo, những công việc lợi nhuận thấp nhưng cần ít vốn, ít rủi ro và tạo việc làm vẫn là mong ước của họ. Họ đề nghị được hỗ trợ thoát nghèo bằng các dự án nhỏ phát triển kinh tế hộ gia đình, kèm theo hướng dẫn kỹ thuật, phòng ngừa dịch bệnh"⁹. Phụ nữ nghèo phải làm nhiều việc không công hơn, làm việc nhiều thời gian hơn và chấp nhận điều kiện làm việc xuống cấp, cốt chỉ để đảm bảo cho gia đình họ tồn tại được. "Phụ nữ dành trung bình 34% thời gian của mình cho các việc thị trường được trả công và 66% cho các công việc phi thị trường, so với con số tương ứng là 76% và 24% ở nam giới"¹⁰.

Sản xuất phi thị trường (không được trả công) của phụ nữ là một yếu tố thiết yếu quyết định chất lượng cuộc sống và tác động trực tiếp đến sức khỏe, phát triển và

¹⁰ Ý kiến của cộng đồng về chiến lược giảm nghèo. Báo cáo từ sáu địa bàn tham vấn, 2002. Tập III, tr. 8.

phúc lợi tổng thể của trẻ em cũng như các thành viên khác trong gia đình. Tuy nhiên, "sự vô hình" của các công việc không được trả lương có tác động tiêu cực đến thế hệ sau. Bố mẹ thấy con gái mình ít có khả năng kiếm được việc làm được trả lương, có thể họ sẽ ít đầu tư hơn cho việc học hành của con gái, mà chính học hành mới là con đường ngắn nhất để phụ nữ thoát khỏi nghèo khổ.

Trong đói nghèo thì phụ nữ và trẻ em là người chịu hậu quả đầu tiên và nặng nề nhất, nên phụ nữ luôn có khát vọng thoát nghèo và nhu cầu được hỗ trợ để xóa đói giảm nghèo. Chiến lược xóa đói giảm nghèo của chính phủ cũng đã ưu tiên cung cấp vốn cho phụ nữ: "*Tính trung bình tổng doanh số cho vay từ các nguồn vay do các cấp hội phụ nữ quản lý điều hành đã đạt 1900 tỷ đồng, giúp cho trên 2 triệu phụ nữ trong đó có hơn 60% là phụ nữ nghèo, được hội giúp vốn vay, hướng dẫn kiến thức kinh nghiệm làm ăn thoát khỏi đói nghèo*"¹¹.

Phân tích nguồn vốn vay theo giới tính người vay 1997-1998 cho thấy:

Giới	Tổng số	%			
		Ngân hàng người nghèo	Ngân hàng nhà nước khác	Quỹ xóa đói giảm nghèo	Chương trình tạo việc làm
Nữ	36,9	32,6	26,9	50,2	41,7
Nam	61,3	76,4	73,1	49,8	58,3

Nguồn: Số liệu thống kê về giới ở Việt Nam.

Nam giới chiếm phần đông số người vay vốn tại tất cả các tổ chức tài chính. Tuy nhiên, chỉ duy nhất quỹ xóa đói giảm nghèo, tỷ lệ nữ vay cao hơn nam 50,2% so với 49,8%. Điều này chứng tỏ, phụ nữ nghèo có nhu cầu vay vốn rất cao, hội phụ nữ đã làm tốt vai trò của mình trong việc bảo lãnh, tín chấp cho hội viên, giúp họ thoát khỏi đói nghèo. Quỹ xóa đói giảm nghèo đã đầu tư đúng nguồn lực của mình cho tác nhân tích cực nhất là phụ nữ trong công cuộc xóa đói giảm nghèo.

Còn ở các tổ chức tài chính khác, tỷ lệ nam giới vay cao hơn, có thể là do họ thường đứng tên các tài sản thế chấp như: đất đai, nhà cửa, đăng ký kinh doanh... Một ý kiến cũng cho biết là "*các tổ chức và các chương trình cho vay tín dụng đã tạo điều kiện cho phụ nữ vay vốn hơn vì họ cho rằng phụ nữ vay vốn có trách nhiệm hơn*"¹². Trách nhiệm thể hiện ở chỗ, phụ nữ nghèo rất chịu khó sử dụng đồng vốn dù cho lợi nhuận còn thấp, họ luôn có trách nhiệm bảo toàn vốn hơn nam giới "*Buôn bán dịch vụ và làm thuê là các công việc mà các thành viên quỹ TYM tìm đến nhiều nhất sau khi gia nhập. Đây là nhóm công việc đầu tư không cao, quay vòng nhanh có thể mang lại thu nhập ngay, nguồn thu tương đối ổn định, dù mức thu*

¹¹ Đàm Hữu Đắc: *Phụ nữ Việt Nam với chương trình xóa đói giảm nghèo*. Báo Lao động xã hội số 186. 3-2002.

¹² *Ý kiến của cộng đồng về chiến lược giảm nghèo*. Báo cáo từ sáu địa bàn tham vấn, 2002. Tập III, tr. 102.

nhập có thể không cao"¹³. Phụ nữ cũng sử dụng những nguồn lực ít ỏi có được từ vốn vay vào những mục đích có lợi nhất. Khi thu nhập tăng lên, phụ nữ nghèo chi tiêu nhiều hơn cho giáo dục, chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho con cái mình. Nói chung, trẻ em gái được hưởng lợi nhiều hơn trẻ em trai. Hiệu quả sẽ tích lũy dần qua các thế hệ vì các bà mẹ có học lại đầu tư nhiều hơn cho việc học của con gái mình.

Trong nghèo khó, phụ nữ với chức năng "tay hòm chìa khóa" luôn biết bảo tồn sử dụng hiệu quả nhất nguồn lực vốn hạn hẹp của mình. Trong lưu thông, phụ nữ nghèo luôn thực hiện được tối đa giá trị hàng hóa của mình, và giảm thiểu những chi phí không cần thiết và luôn thất lưng buộc bụng "vì chồng, vì con".

*"Khi cần bán thóc, gạo, gà, vịt, vợ thường đi bán. Nó không sót ruột chịu khó cò kè nên thường bán được giá. Tiền vợ giữ, chúng nó chắc lắm, nếu mà em giữ có khi gặp bạn một buổi là hết"*¹⁴.

Xóa đói giảm nghèo, cải thiện bình đẳng giới có thể nâng cao chất lượng của quản lý trong cộng đồng. Khi tham vấn, ý kiến của nhóm phụ nữ nghèo cũng cho rằng *"Phụ nữ nên chiếm 50% trong các vị trí lãnh đạo của chính phủ và các tổ chức quần chúng, như vậy các quan điểm của họ sẽ được trình bày đầy đủ"*¹⁵. *"Nâng cao khả năng tham gia của phụ nữ vào việc cung cấp số liệu cho ngân sách và kế hoạch bao gồm tăng số cán bộ nữ trong các vị trí lãnh đạo của các tổ chức quần chúng và các cơ quan ban ngành của chính phủ"*¹⁶.

Tất cả các ý kiến trên hàm ý rằng, sự gia tăng của phụ nữ vào các công việc quản lý, điều hành các chính sách trong đó có chiến lược xóa đói giảm nghèo sẽ đem lại hiệu quả cao hơn, chí ít là ở cấp độ cộng đồng làng xã. Với tất cả những lập luận kể trên, phụ nữ trở thành nhân tố tích cực nếu không muốn nói là tích cực nhất trong phong trào xóa đói giảm nghèo ở nước ta.

3. Những rào cản về giới trong xóa đói giảm nghèo

Những trở ngại đối với cuộc đấu tranh chống đói nghèo của phụ nữ thường xuất phát từ bên ngoài và được thể chế hóa. Các tập quán truyền thống không cho phép dịch chuyển địa vị xã hội. Vai trò giới có tính chất bất buộc và khắt khe. Những chủ thể xã hội như các cá nhân hay tổ chức nắm quyền trong xã hội truyền thống, luôn cảm thấy quyền lợi của mình bị đe dọa do thay đổi và thường phản đối các sáng kiến về tăng quyền năng cho phụ nữ. Khi phụ nữ kiếm được việc làm ổn định và thu nhập là do chính sách xóa đói giảm nghèo tạo ra, điều này có thể cải thiện địa vị của họ trong gia đình và tăng thêm năng lực của họ tham gia vào quá trình ra quyết

¹³ Trần thị Vân Anh và nhóm nghiên cứu: *Tác động của quỹ tín dụng tình thương đến thu nhập và vị trí của phụ nữ nghèo*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 6. 2002, tr. 3.

¹⁴ Kết quả nghiên cứu định tính tại cuộc điều tra..... do lớp xã hội học văn bằng II tiến hành tại Thái Nguyên năm 2001.

¹⁵ *Ý kiến của cộng đồng về chiến lược giảm nghèo*. Báo cáo từ sáu địa bàn tham vấn, 2002. Tập III, tr. 38.

¹⁶ *Ý kiến của cộng đồng về chiến lược giảm nghèo*. Báo cáo từ sáu địa bàn tham vấn, 2002. Tập III, tr. 39.

định công việc trong gia đình.

Khi phụ nữ nhận được sự hỗ trợ, tham gia vào các loại hình quỹ tín dụng xóa đói giảm nghèo, họ có thể học được cách kiếm tiền đem lại thu nhập. Nhưng câu hỏi đặt ra là ai sẽ kiểm soát những nguồn lực họ mang về nhà? Quan hệ đối tác với nam giới không được bảo đảm và một số nam giới cảm thấy bị đe dọa trước năng lực kiếm tiền mới của vợ mình và họ có thể tỏ thái độ bất hợp tác.

Khi nghiên cứu sự hỗ trợ của các thành viên trong gia đình đối với phụ nữ sau khi tham gia vào quỹ tín dụng kết quả khảo sát cho thấy "*sau khi tham gia, sự hỗ trợ của các thành viên trong gia đình đối với phụ nữ tăng từ 75% lên 80%. Trong khi sự hỗ trợ của con tăng lên từ 27% đến 43% thì sự hỗ trợ của người chồng giảm một chút từ 49% xuống 47%. Đây là một vấn đề đặt ra với tác dụng không mong muốn, như ảnh hưởng tới thời gian học tập của trẻ em đặc biệt là em gái*"¹⁷. Tuy nhiên, sau khi tham gia vào quỹ, có trường hợp gánh nặng kiếm tiền và trả tiền vay gốc đặt lên vai phụ nữ và họ phải lao động quá sức, trẻ em phải lao động nhiều hơn trong những gia đình này.

Di cư theo thời vụ ra thành phố, hay làm việc tại các xí nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ như dệt may, giấy dép... được coi là một phương cách để đa dạng hóa nguồn thu nhập, xóa đói giảm nghèo. Môi trường thành thị tuy linh động hơn và tạo nhiều cơ hội hơn nhưng cũng gây ra nhiều nguy hại rủi ro và những hạn chế khác nghiệt đối với triển vọng tiến thân của họ, nhất là đối với phụ nữ. Quá trình tham gia vào các phương thức sống phi truyền thống, mở ra các cơ hội cho phụ nữ, đồng thời cũng tạo ra khả năng họ bị bóc lột về kinh tế và tình dục.

Vai trò giới được xác định về mặt xã hội, quyết định sự khác biệt giữa phụ nữ và nam giới trong việc tiếp cận các nguồn lực sản xuất và quá trình ra quyết định. Mà việc kiểm soát các nguồn lực, phần nào được quyết định bởi những gì mà các cá nhân mang lại cho gia đình như tài sản, lương hay các thu nhập khác. Theo truyền thống cũ, con gái thường không hoặc được thừa kế về mọi nguồn lực ít hơn con trai. Điều này quy định địa vị và vai trò thấp kém của phụ nữ ngay từ khi mới lập gia đình. Các công việc phi thị trường của phụ nữ, thường không thể tính được vào các nguồn thu của gia đình, nên dường như, phụ nữ thường làm không công các công việc và họ luôn bị thiệt thòi trong các thương lượng, tính toán khi ra các quyết định.

Quy định cổ hủ về vai trò và phân công lao động của phụ nữ làm giảm khả năng tham gia các chương trình đào tạo và sinh hoạt cộng đồng của phụ nữ.

"Riêng nhóm phụ nữ cho biết: họ ít có cơ hội tham gia các lớp đào tạo do bận bịu công việc nhà, trông giữ trẻ em và đôi khi do sức khỏe kém. Họ đề nghị cần có các hình thức đào tạo phù hợp với hoàn cảnh của họ. Đào tạo vào buổi tối, mời đích danh

¹⁷ Trần Thị Vân Anh và nhóm nghiên cứu: *Tác động của quỹ tín dụng tình thương đến thu nhập và vị trí của phụ nữ nghèo*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 6. 2002, tr. 4.

phụ nữ chứ không mời theo đại diện hộ gia đình, vì như thế đàn ông trong nhà sẽ đi"¹⁸. Mà không được đào tạo thì phụ nữ không thể thoát nghèo vì thiếu kiến thức cả về kinh tế và xã hội luôn là lý do chính dẫn đến đói nghèo. Cả vốn và kiến thức đều cần như nhau. Đối với người nghèo vấn đề là cần câu chứ không phải là con cá.

Những trói buộc về mặt xã hội tác động đến chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ. Nam giới dễ được sử dụng các dịch vụ y tế chính thức hơn, còn phụ nữ do nhiều ràng buộc, có xu hướng phải dựa vào dịch vụ truyền thống hoặc các dịch vụ thay thế khác, vì chúng rẻ hơn, có sẵn bên cạnh và quen thuộc hơn. Những trải nghiệm của phụ nữ về dịch vụ chăm sóc sức khỏe cũng tác động đến cách thức họ sử dụng chúng. Phụ nữ học vấn thấp, có thể cảm thấy bất lực khi phải diễn tả tình trạng sức khỏe của mình hay không thể hiểu nổi những lời khuyên của thầy thuốc.

Tóm lại còn vô số các trở ngại về giới đối với phụ nữ trong việc tiếp cận, tham gia, quyết định và sử dụng các nguồn lực trong công cuộc xóa đói giảm nghèo. Để phụ nữ vượt qua được những trở ngại này không chỉ đòi hỏi nỗ lực các nhân, mà còn phải có sự hỗ trợ của cộng đồng và các thể chế và của chính phủ.

*
* *

Muốn xây dựng được một chiến lược xóa đói giảm nghèo một cách bền vững thì các khía cạnh về giới luôn phải được quan tâm đặc biệt trong việc đề xuất và thực hiện chính sách, vì đói nghèo có nguyên nhân kinh tế và cả nguyên nhân xã hội. Phụ nữ phải là người được hưởng lợi nhiều nhất về mọi mặt sức khỏe, giáo dục, y tế... với tư cách là một nhân tố tích cực trong xóa đói giảm nghèo.

Chiến lược xóa đói giảm nghèo hướng tới phụ nữ, làm tăng quyền năng của phụ nữ không chỉ cho hiện tại mà còn được chuyển tải cho thế hệ tương lai con cháu của họ. Đây cũng là điểm ưu việt của sự lựa chọn giữa lợi ích và đầu tư cho phụ nữ. Người mẹ có học vấn thường khuyến khích và hỗ trợ việc học hành của con cái mình. Con cái của họ mạnh khỏe hơn. Họ hiểu biết nhiều hơn về chế độ dinh dưỡng, về các biện pháp chăm sóc sức khỏe và kế hoạch hóa gia đình. Giáo dục mang lại các lợi ích không còn phải bàn cãi, đặc biệt là đối với phụ nữ. Các hoạt động tiến tới tăng quyền năng cho phụ nữ và bình đẳng giới đã nâng cao mức sống của phụ nữ và làm gia tăng mức đóng góp của họ.

Xóa bỏ các trở ngại xã hội về giới không chỉ thúc đẩy chính sách xóa đói giảm nghèo mà còn tiến tới như tuyên bố của Hội nghị thế giới lần thứ tư về phụ nữ, 1995 "Bình đẳng nam nữ là một vấn đề về quyền con người, là điều kiện để đạt được công bằng xã hội và cũng là điều kiện tiên quyết cơ bản, cần thiết cho bình đẳng, phát triển và hoà bình".

¹⁸ Ý kiến của cộng đồng về chiến lược giảm nghèo. Báo cáo từ sáu địa bàn tham vấn, 2002. Tập III, tr. 12.

Tài liệu tham khảo:

1. UNFPA: *Tình trạng dân số thế giới 2002*.
2. *Ý kiến cộng đồng về chiến lược giảm nghèo*. Tập III. Báo cáo từ sáu địa bàn tham vấn, 2002.
3. Nguyễn Hải Hữu: *Năm bước đột phá xóa đói giảm nghèo trong năm 2002*. Báo Lao động xã hội, số 191. 5-2002.
4. Bích Thủy: *Phụ nữ cao tuổi nghèo ở Việt Nam - những điều rút ra từ cuộc nghiên cứu*. Tạp chí Phụ nữ và tiến bộ, số 2.2002.
5. UNDP-1999: *Báo cáo phát triển con người 1995*. Toàn cầu hóa với bộ mặt con người. NewYork. Nxb. Oxford.
6. Đàm Hữu Đắc: *Phụ nữ Việt Nam với chương trình xóa đói giảm nghèo*. Báo Lao động xã hội, số 186. 3.2002.
7. *Số liệu thống kê về giới ở Việt Nam*. Ủy ban Quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ.
8. Trần Thị Vân Anh và nhóm nghiên cứu: *Tác động của quỹ tín dụng tình thương đến thu nhập và vị trí của phụ nữ nghèo*. Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 6.2002.
9. Swany, A và các cộng sự .2001: *Giới và tham nhũng*. Tạp chí Kinh tế học phát triển 64 (1).

TRÊN GIÁ SÁCH CỦA NHÀ XÃ HỘI HỌC

*Tạp chí Xã hội học đã nhận được sách của các nhà xuất bản, các tác giả sau đây gửi tặng.
Cám ơn các nhà xuất bản, các tác giả và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.*

TẠP CHÍ XÃ HỘI HỌC

- **LÊ DU PHONG, NGUYỄN VĂN ÁNG, HOÀNG VĂN HOA: Ảnh hưởng của đô thị hóa đến nông thôn ngoại thành Hà Nội: Thực trạng và giải pháp**. Nxb Chính trị Quốc gia, 2002, 220 tr.
- **TỔ CHỨC BẢO VỆ TRẺ EM QUỐC TẾ: Báo cáo của Ủy ban Quyền trẻ em Liên Hiệp Quốc về công tác từ pháp người chưa thành niên**. Nxb Chính trị Quốc gia, 2002, 190 tr.
- **BÁO CÁO PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VIỆT NAM 2001: Đổi mới và sự nghiệp phát triển con người** (Sách tham khảo). Nxb Chính trị Quốc gia, 2001, 155 tr.
- **TRẦN XUÂN KIÊM: Các giải pháp phát triển kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ thứ 21**. Nxb Thanh Niên, 2003, 146 tr.
- **PHAN HUY LÊ, VŨ MINH GIANG, TRẦN ĐOÀN LÂM, MAI LÝ QUẢNG, PHẠM HOÀNG HẢI. Các nhà Việt Nam học nước ngoài viết về Việt Nam**. Nxb Thế giới, 2002, Tập 1 (757 tr.), Tập 2 (897 tr.).
- **ĐẶNG CẢNH KHANH: Gia đình, trẻ em và sự kế thừa truyền thống**. Nxb Lao động - Xã hội, 2003, 171 tr.

- **CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VIỆT NAM HÀ LAN: Hội thảo nghiên cứu giảm nghèo ở nông thôn từ cách tiếp cận vi mô.** Nxb Nông nghiệp, 2002, 535 tr.
- **BÙI MINH ĐẠO: Một số vấn đề giảm nghèo của các dân tộc thiểu số Việt Nam.** Nxb Khoa học xã hội, 2003, 244 tr.
- **MARC P. LAMMERINK, IVAN WOLFFERS, LÊ ĐÌNH TIẾN, CHU ĐỨC DŨNG: Một số ví dụ chọn lọc về nghiên cứu tham dự.** 2001, 155 tr.
- **NGÔ DOÃN VỊNH: Nghiên cứu chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam.** Nxb Chính trị Quốc gia, 2003, 338 tr.
- **TRẦN HY: Nhân loại qua các chặng đường phát triển.** Nxb Thông tấn, 2002, 487 tr.
- **SEN AMARTYA, LƯU ĐOÀN HUYNH, ĐIỀU BÌNH: Phát triển là quyền tự do.** Nxb thống kê, 2002, 363 tr.
- **VŨ MÃO, NGUYỄN SỸ DŨNG: Quyền của phụ nữ và trẻ em trong các văn bản pháp lý quốc tế và pháp luật Việt Nam.** Nxb Chính trị Quốc gia, 2003, 250 tr.
- **NGUYỄN HỮU DŨNG: Tăng cường năng lực nghiên cứu xây dựng chiến lược và chương trình hành động quốc gia về phòng ngừa và khắc phục lao động trẻ em ở Việt nam.** Nxb Lao động - Xã hội, 2002, 107 tr.
- **TRẦN THỊ NHUNG: Tăng trưởng kinh tế và phúc lợi xã hội ở Nhật Bản: Từ sau chiến tranh thế giới thứ 2 đến nay.** Nxb Khoa học xã hội, 2002, 319 tr.
- **VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC: Từ chiến lược phát triển giáo dục, đến chính sách phát triển nguồn nhân lực.** Nxb Giáo dục, 2002, 272 tr.
- **PHẠM QUANG TRUNG, CAO VĂN BIÊN, TRẦN ĐỨC CƯỜNG: Về thực trạng công nhân Việt Nam hiện nay.** Nxb Khoa học xã hội, 2001, 573 tr.
- **ĐẶNG VŨ CẢNH LINH: Vị thành niên và chính sách đối với vị thành niên.** Nxb Lao động - Xã hội.
- **THANH LÊ: Xã hội học - một hướng nhìn.** Nxb Thanh niên, 2001, 178 tr.